

HƯỚNG DẪN CHẤM THI
Bản hướng dẫn gồm 03 trang

A. Hướng dẫn chung

- Thí sinh làm theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản vẫn cho đủ điểm.
- Việc chi tiết hóa điểm số (nếu có) so với biểu điểm phải đảm bảo không sai lệch với hướng dẫn chấm và được thống nhất trong Hội đồng chấm.
- Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn đến 0,5 điểm. (*Lê 0,25 điểm làm tròn thành 0,5 điểm; lê 0,75 điểm làm tròn thành 1,0 điểm*).

B. Đáp án và thang điểm

I. PHẦN BẮT BUỘC (5,0 điểm)

	Đáp án	Điểm
Câu 1 <i>(3,0đ)</i>	Vẽ biểu đồ, nhận xét, giải thích	
	1. Vẽ biểu đồ (1,75đ) - Vẽ biểu đồ miền (các dạng khác không cho điểm). - Yêu cầu: đúng, trực quan, có tên biểu đồ, có chú giải (thiếu, hoặc sai một ý trừ 0,25đ).	1,75
	2. Nhận xét (0,75đ) - Tỉ trọng của ngành nông - lâm - ngư nghiệp giảm. Tỉ trọng của ngành công nghiệp - xây dựng tăng (dẫn chứng). - Tỉ trọng của ngành công nghiệp - xây dựng đã vượt tỉ trọng của ngành nông, lâm, ngư nghiệp (dẫn chứng).	0,5 0,25
	3. Giải thích (0,5đ) - Do chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá. - Do công cuộc Đổi mới nền kinh tế nước ta đạt nhiều thành tựu.	0,5
Câu 2 <i>(2,0đ)</i>	Tính năng suất cà phê, nhận xét	
	1. Tính năng suất cà phê (1,0đ) - Cách tính: Năng suất = Sản lượng : diện tích - Tính đúng qua các năm lần lượt là: 0,37; 0,28; 0,77; 1,17; 1,43; 1,68 (tấn/ha). * <i>Thí sinh sử dụng các đơn vị khác mà đúng vẫn cho điểm tối đa, không ghi đơn vị tính trừ 0,25đ.</i> * <i>Tính đúng 3 năm cho 0,25đ; Tính đúng từ 4 - 5 năm cho 0,5đ.</i>	0,25 0,75
	2. Nhận xét (1,0đ) - Diện tích, sản lượng và năng suất đều tăng. - Diện tích nói chung tăng, nhưng năm 2004 giảm so với năm 2000. - Sản lượng tăng liên tục. - Năng suất từ năm 1980 đến năm 1985 giảm, sau đó tăng liên tục. * <i>Thí sinh không có số liệu dẫn chứng trừ 0,25đ.</i>	1,0

II. PHẦN TỰ CHỌN (5,0 điểm)

Thí sinh chọn 1 trong 2 đề sau:

ĐỀ I

	Đáp án	Điểm
Câu 1 (3,0đ)	Đồng bằng sông Cửu Long	
	1. Các yếu tố tự nhiên của ĐBSCL có những thuận lợi và khó khăn: (2,0đ) - Thuận lợi (1,5đ): + Đồng bằng châu thổ rộng nhất nước ta, gần 4 triệu ha, bao gồm phần thượng châu thổ, hạ châu thổ và đồng bằng phù sa ở rìa. + Khí hậu nhiệt đới ẩm, tính chất cận xích đạo khá ổn định thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. + Hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc có giá trị nhiều mặt (giao thông, thủy lợi, thủy sản...) + Đất phù sa có 3 loại chủ yếu: đất phù sa ngọt ven sông Tiền, sông Hậu là tốt nhất; đất phèn (Đồng Tháp Mười, Hà Tiên, Cần Thơ), đất mặn (nam Cà Mau, duyên hải Gò Công, Bến Tre) có khả năng cải tạo để mở rộng diện tích đất nông nghiệp. + Sinh vật là tài nguyên quan trọng: rừng ngập mặn, rừng tràm, các loại động vật như cá, tôm, chim...	0,25 0,25 0,25 0,5 0,25
	- Khó khăn: (0,5đ) + Mùa khô kéo dài, thiếu nước ngọt để cải tạo đất phèn, mặn... + Những tai biến do thời tiết, khí hậu đôi khi xảy ra, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.	0,5
	2. Hướng sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên: (1,0đ) - Thủy lợi là giải pháp hàng đầu. - Cải tạo đất phèn, đất mặn. - Sử dụng rừng ngập mặn kết hợp với bảo vệ môi trường sinh thái. - Chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý để sử dụng tổng hợp tài nguyên của vùng.	1,0
Câu 2 (2,0đ)	Về các ngành công nghiệp trọng điểm	
	Các ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay: (1,0đ) Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; công nghiệp cơ khí và điện tử; công nghiệp dầu khí; điện; hoá chất và sản xuất vật liệu xây dựng. * Thí sinh kể đúng 2 ngành cho 0,25đ; thêm mỗi ngành cho 0,25đ. (Tối đa không vượt quá 1,0đ).	1,0
	Giải thích công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản là ngành trọng điểm: (1,0đ) - Có nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú. - Thị trường rộng, lao động dồi dào... - Nằm trong 3 chương trình kinh tế lớn của Đảng và Nhà nước.	0,5 0,25 0,25

ĐỀ II

Câu 1 (2,0đ)	Sự phân bố đất trồng (Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức kiến thức đã học)	
	1. Vùng phân bố chủ yếu của đất trồng cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp hàng năm: (1,0đ) - Đồng bằng sông Cửu Long. - Đồng bằng sông Hồng. - Các đồng bằng duyên hải miền Trung (Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ).	0,5 0,25 0,25
	2. Kể tên các vùng có tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp, so với tổng diện tích gieo trồng đã sử dụng lớn nhất (trên 40%): (1,0đ) - Tây Nguyên. - Đông Nam Bộ. * Thí sinh không kể tên vùng mà kể tên các tỉnh trong vùng cũng cho điểm tối đa.	1,0
Câu 2 (3,0đ)	Nhận xét sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp (Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung và kiến thức đã học)	
	- Công nghiệp nước ta có sự phân hoá về mặt lãnh thổ. - Các khu vực có mức độ tập trung cao: + Đồng bằng Sông Hồng và phụ cận: . Có nhiều trung tâm công nghiệp. . Hà Nội là trung tâm lớn nhất. . Hải Phòng, Hạ Long, Việt Trì, Thái Nguyên, Nam Định... + Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long: . Có nhiều trung tâm công nghiệp. . Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm lớn nhất. . Biên Hoà, Vũng Tàu, Cần Thơ... + Dọc theo Duyên hải miền Trung: Đà Nẵng, Huế, Nha Trang... - Các khu vực còn lại, hoạt động công nghiệp còn hạn chế.	0,5 0,25 0,5 0,25 0,25 0,5 0,25 0,25 0,25

-----HẾT-----